

BÁO CÁO **VĨ MÔ**

THÁNG 7 NĂM 2026

12/08/2026

Nguyễn Chí Dũng

Chuyên viên Phân tích

dungnc@tmr.vn

Nguyễn Thanh Nghị

Tổng Giám đốc

nghint@tmr.vn

Sản xuất bất tốc dẫn dắt phục hồi: Lạm phát hạ nhiệt, áp lực tỷ giá giảm dần, thanh khoản hệ thống vẫn còn áp lực cơ cấu

IIP tháng 07/2026 tăng 14,5% YoY; hoạt động sản xuất duy trì vùng mở rộng với PMI đạt 52,9 điểm.

Đơn hàng mới thúc đẩy doanh nghiệp tăng thu mua nguyên liệu, trong bối cảnh áp lực chi phí đầu vào giảm. Tổng doanh thu bán lẻ tăng 14,5% YoY; khách quốc tế tháng 07/2026 đạt 1,67 triệu lượt (+6,6% YoY), lũy kế 7 tháng đạt 13,9 triệu lượt (+13,8% YoY).

Xuất khẩu tháng 07/2026 tăng 25,0% YoY, nhập khẩu tăng mạnh 41,4% YoY.

Thâm hụt thương mại lũy kế 7 tháng đạt 18,2 tỷ USD, phản ánh chu kỳ tích lũy vật liệu sản xuất. Khối FDI tiếp tục dẫn dắt (vốn đăng ký 7 tháng +58% YoY, giải ngân +11,8% YoY). Giải ngân đầu tư công đạt đỉnh khoảng 126 nghìn tỷ đồng trong tháng.

CPI tháng 07/2026 tăng 4,4% YoY, chứng lại đà giảm từ đỉnh thiết lập vào tháng 05/2026.

Cấu trúc lạm phát được dẫn dắt bởi nhóm Hàng ăn & Dịch vụ ăn uống (góp 1,7 đpt), Nhà ở & Vật liệu xây dựng (góp 1,5 đpt) và Giao thông (góp 0,5 đpt).

NHNN hút ròng kéo lãi suất qua đêm chạm đáy 0,75% trước khi bật tăng cuối tháng, thanh khoản hệ thống nhìn chung vẫn chịu áp lực do tín dụng tăng nhanh hơn huy động.

Tỷ giá tự do lao dốc xuống 26.280 VND/USD, thấp hơn mức niêm yết nhờ sức ép DXY suy yếu và cung ngoại tệ dồi dào.

Nội dung

1. Hoạt động sản xuất & tiêu dùng	2
2. Thương mại quốc tế	5
3. Lạm phát	9
4. Thị trường tiền tệ	10

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT & TIÊU DÙNG

1.1. Hoạt động sản xuất

Đơn hàng mới và xuất khẩu tăng tốc đưa PMI lên mức cao nhất kể từ tháng 02/2026, trong khi áp lực chi phí đầu vào tiếp tục hạ nhiệt rõ rệt.

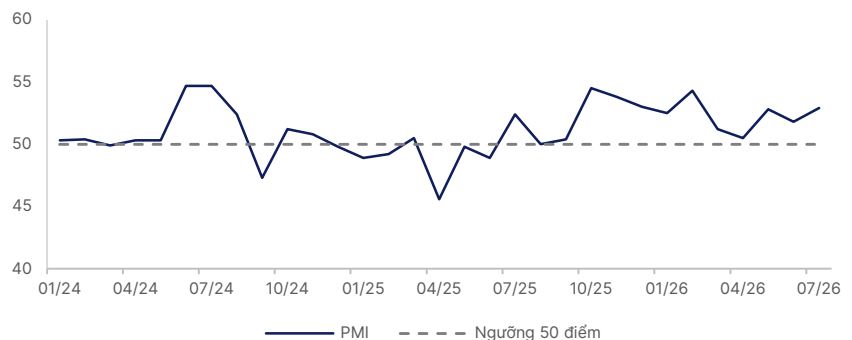
Sản xuất đạt tốc độ mở rộng nhanh nhất kể từ tháng 02/2026 khi áp lực chi phí đầu vào hạ nhiệt; Tiêu dùng nội địa duy trì đà tăng hai chữ số tháng thứ năm liên tiếp, du lịch quốc tế bước vào mùa thấp điểm nhưng vẫn giữ nhịp tăng trưởng.

Sản xuất công nghiệp bứt tốc mạnh với IIP tăng 14,5% YoY – cao nhất kể từ đầu năm; PMI đạt 52,9 điểm, khẳng định chu kỳ mở rộng bền vững của khu vực sản xuất trong bối cảnh áp lực chi phí đầu vào hạ nhiệt.

Hoạt động sản xuất tiếp tục cải thiện rõ nét trong tháng 07/2026 khi chỉ số PMI đạt 52,9 điểm, tăng 1,1 điểm so với mức 51,8 điểm của tháng 06/2026 và đánh dấu tốc độ mở rộng mạnh nhất kể từ tháng 02/2026. Đây là tháng thứ 13 liên tiếp điều kiện kinh doanh của khu vực sản xuất được cải thiện, trong đó sản lượng đầu ra tăng liên tục kể từ tháng 05/2025 và đạt tốc độ mở rộng nhanh nhất trong 5 tháng. Đơn hàng mới tăng tháng thứ ba liên tiếp, được hỗ trợ bởi đơn hàng xuất khẩu tăng nhanh nhất kể từ tháng 07/2024 nhờ nhu cầu trong và ngoài nước đồng loạt cải thiện. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất gia tăng, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động thu mua với tốc độ nhanh nhất trong gần 4,5 năm, đồng thời số lượng lao động tăng trở lại lần đầu tiên sau 5 tháng.

Điểm tích cực đáng chú ý là áp lực chi phí đầu vào đã hạ nhiệt đáng kể – giá đầu vào và giá bán ra cùng tăng chậm nhất trong 10 tháng, đồng thời tình trạng chậm trễ giao hàng của nhà cung cấp cũng được cải thiện, ở mức thấp nhất kể từ tháng 05/2025 – giúp giảm bớt rủi ro chi phí đẩy từng đè nặng lên biên lợi nhuận doanh nghiệp trong các tháng trước. Dù vậy, niềm tin kinh doanh vẫn chưa trở lại mức trước khi xung đột tại Trung Đông bùng phát, và triển vọng ngành trong các tháng còn lại của năm nhiều khả năng vẫn gắn chặt với diễn biến địa chính trị toàn cầu.

Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam từ tháng 01/2024 – Nay [điểm]



Nguồn: S&P Global, TMR

Sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng đồng đều nhờ bộ đỡ từ nhóm chế biến, chế tạo và sự đảo chiều tích cực của ngành khai khoáng.

Chỉ số Sản xuất Công nghiệp (IIP) tháng 07/2026 tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng cao nhất kể từ tháng 01/2026, đưa IIP lũy kế 7 tháng đầu năm lên 11,4% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong giai đoạn 2019–2026. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò đầu tàu với mức tăng 15,0% YoY trong tháng (lũy kế 7 tháng tăng 12,0%, đóng góp 9,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung), nổi bật là các phân ngành sản xuất kim loại (+29,4% YoY), sản xuất sản phẩm điện tử (+21,9% YoY), sản xuất đồ uống (+20,3% YoY) và sản xuất thuốc, hoá dược (+19,4% YoY).

Đáng chú ý, ngành khai khoáng ghi nhận sự phục hồi toàn diện khi đạt mức tăng 10,4% YoY (lũy kế 7 tháng tăng 6,6%, đóng góp 1,0 điểm phần trăm), với tất cả các phân ngành đều tăng trưởng dương – kể cả khai thác than cứng và than non (+8,3% YoY), đảo chiều tích cực so với xu hướng suy giảm ghi nhận trong các tháng đầu năm. Đà tăng còn được củng cố bởi dịch vụ hỗ trợ khai thác (+33,2% YoY), khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (+10,7% YoY) cùng khai thác quặng kim loại (+16,6% YoY).

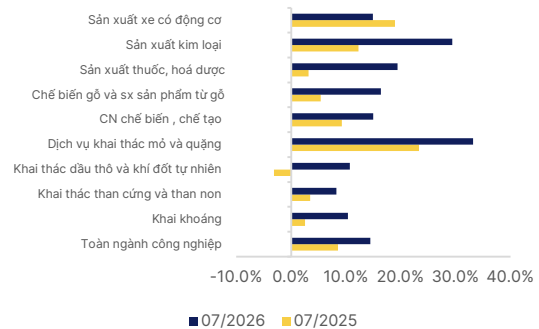
Dữ liệu về chỉ số IIP không chỉ xác nhận bức tranh tích cực từ PMI mà còn bộc lộ khả năng hấp thụ tốt dòng vốn đầu tư ngoại. Sự trỗi dậy của ngành khai khoáng cho thấy nhu cầu tiêu thụ năng lượng sơ cấp và vật liệu cơ bản đang tăng vọt, phục vụ cho quá trình tăng tốc của các tổ hợp công nghiệp và đại dự án hạ tầng.

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP từ tháng 01/2024 – Nay [%YoY]



Nguồn: GSO, TMR

Tăng trưởng IIP theo nhóm ngành: Tháng 07/2025 vs. tháng 07/2026 [%YoY]



Nguồn: GSO, TMR

1.2. Doanh thu bán lẻ và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ duy trì đà tăng hai chữ số tháng thứ năm liên tiếp, khẳng định sức cầu nội địa phục hồi vững chắc.

Sức cầu nội địa duy trì đà tăng hai chữ số tháng thứ năm liên tiếp; Dòng khách quốc tế hạ nhiệt theo mùa vụ nhưng vẫn giữ nhịp tăng trưởng hai con số tính chung 7 tháng.

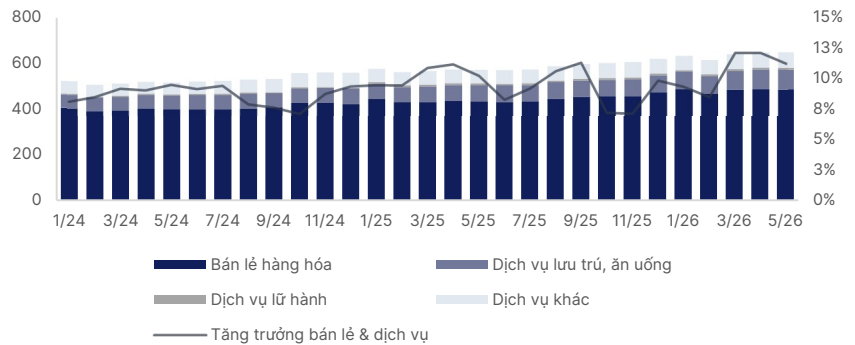
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 07/2026 đạt 663 nghìn tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước – đánh dấu tháng thứ năm liên tiếp duy trì tăng trưởng hai chữ số (sau các mức 12,1% của tháng 03, 12,1% của tháng 04, 11,2% của tháng 05 và đỉnh điểm 14,8% của tháng 06/2026), cho thấy xu hướng phục hồi ổn định và thực chất của thị trường nội địa.

Xét theo cấu trúc đóng góp, bán lẻ hàng hoá vẫn là trụ cột quy mô lớn nhất khi đạt 496 nghìn tỷ đồng, tăng so với nền 434 nghìn tỷ đồng cùng kỳ năm 2025. Dịch vụ lưu trú và ăn uống tiếp tục là phân ngành bứt tốc mạnh, đạt 86 nghìn tỷ đồng (từ mức 72 nghìn tỷ đồng cùng kỳ), trong khi nhóm dịch vụ khác cũng tăng tương ứng, đạt 72 nghìn tỷ đồng (từ 60 nghìn tỷ đồng). Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.556 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng lan toả ở hầu hết các nhóm hàng và địa phương, phản ánh niềm tin tiêu dùng tiếp tục được củng cố nhờ hiệu ứng lan toả tích cực từ sự ổn định của thị trường lao động và thu nhập trong khu vực sản xuất công nghiệp.

Đà tăng trưởng tiêu dùng nội địa trong tháng 7 được tiếp thêm lực đẩy đáng kể từ hiệu ứng đợt cải cách tiền lương và tăng lương cơ sở (có hiệu lực từ

01/07/2026), trực tiếp cải thiện thu nhập khả dụng và kích thích tâm lý chi tiêu của bộ phận lớn người lao động.

Doanh thu [Nghìn tỷ VND-cột trái] và tổng mức tăng trưởng bán lẻ và dịch vụ [%YoY-cột phải]



Nguồn: GSO, TMR

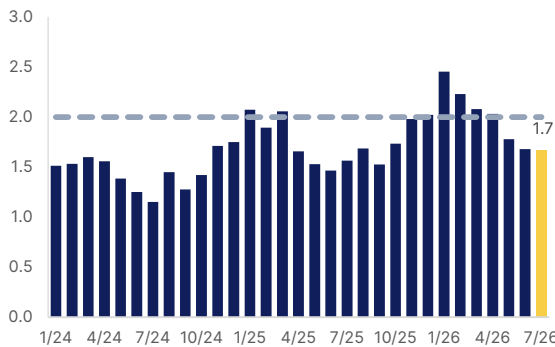
Khách quốc tế bước vào mùa thấp điểm nhưng vẫn duy trì đà tăng hai chữ số so với cùng kỳ, tiếp sức cho ngành du lịch và dịch vụ lữ hành.

Trong tháng 07/2026, Việt Nam đón 1,7 triệu lượt khách quốc tế, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước, gần như đi ngang so với mức 1,7 triệu lượt của tháng 06/2026 khi ngành du lịch bước vào giai đoạn thấp điểm của dòng khách quốc tế. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, tổng lượng khách quốc tế đạt khoảng 13,9 triệu lượt, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2025, tương đương khoảng 56% mục tiêu đón 25 triệu lượt khách quốc tế cả năm.

Việc duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định ngay trong mùa thấp điểm là minh chứng cho năng lực cạnh tranh của điểm đến Việt Nam, là kết quả cộng hưởng từ sự thông thoáng của chính sách thị thực, các chiến dịch xúc tiến trọng điểm và nỗ lực mở rộng mạng lưới hàng không. Về cấu trúc thị trường, Trung Quốc tiếp tục duy trì vị thế nguồn khách lớn nhất với 3,1 triệu lượt (chiếm 22,2% tổng lưu lượng). Nổi bật hơn, thị trường châu Âu vươn lên thành điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng với mức bứt phá 53,4% YoY, khẳng định thành công bước đầu trong chiến lược đa dạng hóa tệp khách du lịch.

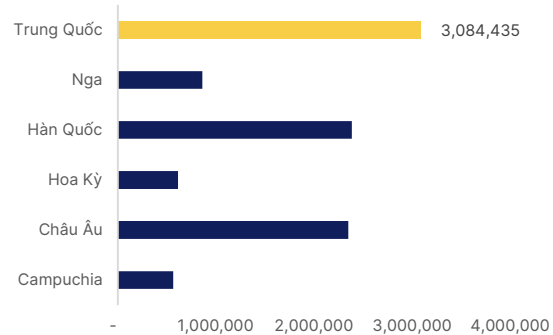
Sự hiện diện ổn định của dòng khách quốc tế tiếp tục hỗ trợ dịch vụ lữ hành và hệ sinh thái dịch vụ, vận tải, mua sắm liên quan, giữ vai trò bệ đỡ cho khu vực dịch vụ trong bối cảnh mùa vụ kém thuận lợi. Ngành du lịch được kỳ vọng bước vào giai đoạn cao điểm đón khách từ cuối Q3/2026 đến hết Q4/2026, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng chung nửa cuối năm.

Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam từ 01/2024 – Nay [triệu lượt]



Nguồn: Tổng Cục Hải quan, TMR

Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam 7M 2026 theo quốc gia [người]



Nguồn: Tổng Cục Hải quan, TMR

2. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

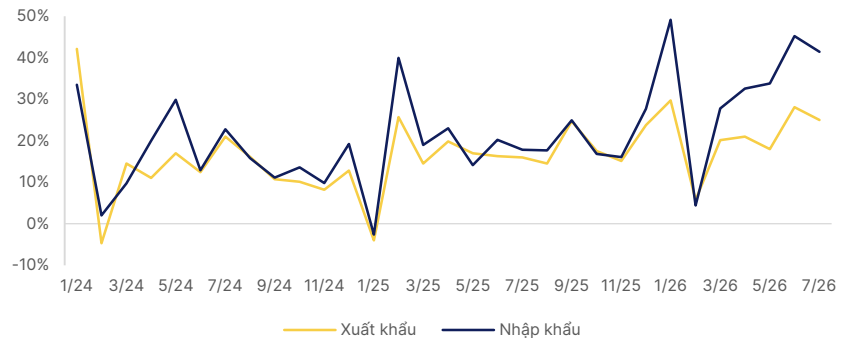
Kim ngạch xuất khẩu tháng 07/2026 tăng 25,0% YoY và nhập khẩu tăng 41,4% YoY; thâm hụt thương mại lũy kế 7 tháng đầu năm đạt khoảng 18,2 tỷ USD.

Nhập siêu lũy kế 7 tháng tiếp tục nói rộng theo chu kỳ tích lũy vật liệu sản xuất, dù mức thâm hụt tháng 7 đã thu hẹp đáng kể so với đỉnh tháng 5; Dòng vốn FDI bùng nổ lập kỷ lục 5 năm, song hành cùng giải ngân đầu tư công đạt đỉnh trong năm.

Hoạt động thương mại quốc tế trong tháng 07/2026 tiếp tục mở rộng mạnh về quy mô. Kim ngạch xuất khẩu đạt 53,1 tỷ USD, tăng 25,0% so với cùng kỳ năm trước – nhanh hơn mức 18,0% của tháng 05 nhưng chậm lại nhẹ so với đỉnh 28,1% của tháng 06/2026. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng vượt trội, đạt 41,4% YoY với giá trị 56,7 tỷ USD. Do nhập khẩu vẫn mở rộng nhanh hơn xuất khẩu, cán cân thương mại tháng 7 tiếp tục thâm hụt với quy mô ước tính khoảng 3,59 tỷ USD – thu hẹp đáng kể so với mức đỉnh thâm hụt 5,2 tỷ USD của tháng 05, dù nói nhẹ so với mức 2,6 tỷ USD của tháng 06/2026.

Tính chung lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt khoảng 319 tỷ USD, tăng trưởng 21,9% so với cùng kỳ. Ở chiều nhập khẩu, dưới sức ép từ làn sóng nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, kim ngạch lũy kế tăng vọt lên khoảng 337 tỷ USD (+33,7% YoY). Xu hướng nhập khẩu áp đảo này đưa cán cân thương mại lũy kế 7 tháng vào trạng thái nhập siêu khoảng 18,2 tỷ USD – đảo chiều hoàn toàn so với mức xuất siêu khoảng 9,5 tỷ USD ghi nhận cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, cơ cấu nhập khẩu tiếp tục tập trung chủ yếu vào nhóm hàng tư liệu sản xuất, chiếm tới 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 56,9% – cho thấy bản chất của nhập siêu giai đoạn này đến từ đầu tư mở rộng năng lực sản xuất chứ không phải áp lực cầu tiêu dùng.

Tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu theo tháng từ 01/2024 – Nay [%YoY]

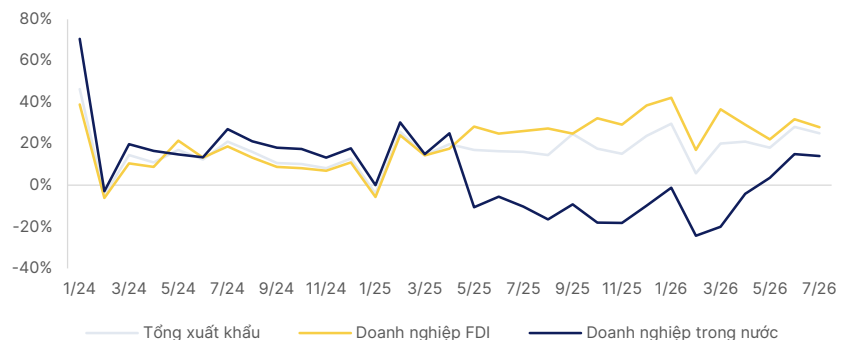


Nguồn: Tổng Cục Hải quan, TMR

Xuất khẩu khối FDI tháng 07/2026 tăng trưởng 27,9% YoY tiếp tục dẫn dắt thị trường; khối doanh nghiệp trong nước duy trì đà tăng dương tháng thứ ba liên tiếp.

Cấu trúc động lực xuất khẩu tháng 07/2026 tiếp tục cho thấy tín hiệu tích cực đồng đều hơn giữa hai khối doanh nghiệp. Khối FDI vẫn là bệ đỡ chính với mức tăng trưởng xuất khẩu đạt 27,9% YoY. Đáng chú ý, khối doanh nghiệp trong nước duy trì đà tăng dương tháng thứ ba liên tiếp, đạt 14,0% YoY (sau các mức 3,5% của tháng 05 và 15,0% của tháng 06/2026) – cải thiện rõ rệt so với chuỗi tăng trưởng âm kéo dài trong phần lớn năm 2025, phản ánh sự phục hồi thực chất của chuỗi cung ứng nội địa. Tính chung lũy kế 7 tháng, khối FDI (kể cả dầu thô) đạt 255,9 tỷ USD, tăng 26,4%, chiếm 80,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; trong khi khu vực kinh tế trong nước đạt 63,6 tỷ USD, tăng 5,8%, chiếm 19,9%.

Tăng trưởng xuất khẩu theo nhóm doanh nghiệp từ 01/2024 – Nay [%YoY]



Nguồn: Tổng cục Hải quan, TMR

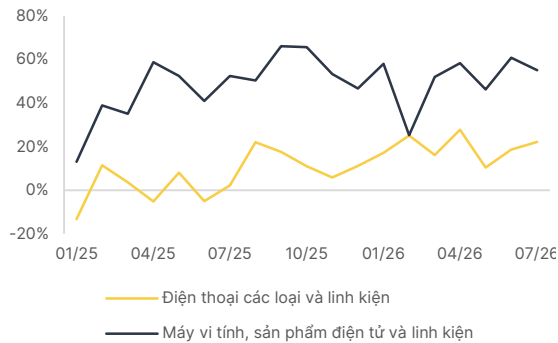
Nhóm hàng công nghệ cao tiếp tục bứt phá khi máy vi tính, sản phẩm điện tử tăng 55,1% YoY; nhóm hàng truyền thống dệt may, giày dép chứng lại trước áp lực thuế quan Mỹ.

Về danh mục sản phẩm, nhóm hàng công nghệ cao tiếp tục dẫn dắt quyết định khi máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng trưởng bứt phá 55,1% YoY, theo sau là điện thoại và linh kiện với mức tăng 22,2% YoY – cả hai đều duy trì đà tăng mạnh trong suốt các tháng gần đây. Ngược lại, các ngành thâm dụng lao động truyền thống ghi nhận sự chứng lại rõ rệt khi hàng dệt may chỉ tăng 1,3% YoY và giày dép tăng 1,6% YoY, trái ngược với đà phục hồi tương đối tốt của các tháng trước. Gỗ và sản phẩm gỗ vẫn giữ nhịp tăng khá hơn, đạt 8,6% YoY.

Sự chứng lại của nhóm dệt may, giày dép phần lớn đến từ áp lực chính sách thuế quan mới của Mỹ – thị trường chiếm trên 40% tỷ trọng xuất khẩu dệt may Việt Nam – khi mức thuế tạm thời 10% chỉ được áp dụng đến ngày

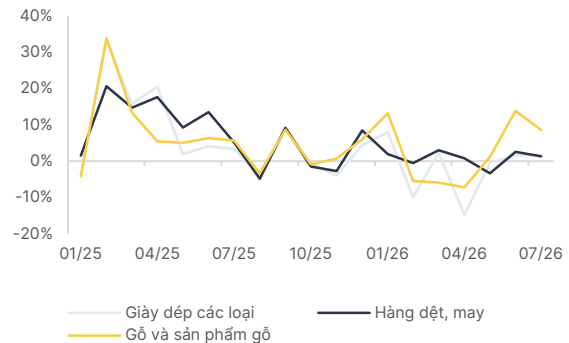
24/07/2026, khiến nhà nhập khẩu rơi vào trạng thái "nghe ngóng" và đơn hàng có dấu hiệu khan hiếm rõ rệt kể từ tháng 7 trở đi. Xu hướng phân hoá này tiếp tục định hình sự dịch chuyển cấu trúc xuất khẩu của Việt Nam sang các mặt hàng có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn, đồng thời đặt ra thách thức tái cơ cấu đối với các ngành xuất khẩu truyền thống trong giai đoạn cuối năm.

Tăng trưởng xuất khẩu theo nhóm hàng điện tử và điện thoại từ tháng 01/2025 - nay [% YoY]



Nguồn: Tổng cục Hải quan, TMR

Tăng trưởng xuất khẩu theo nhóm hàng truyền thống từ tháng 01/2025 - nay [% YoY]



Nguồn: Tổng cục Hải quan, TMR

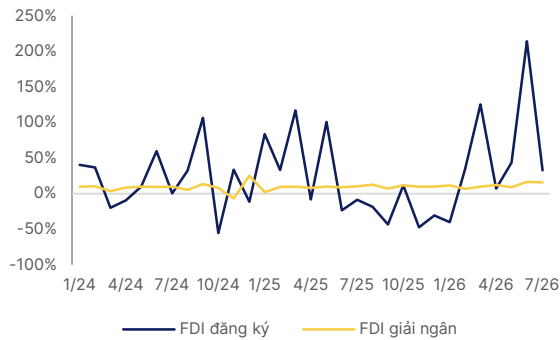
Vốn FDI đăng ký tháng 07/2026 tăng 32,7% YoY, hạ nhiệt về quy mô tuyệt đối sau đỉnh tháng 06; vốn giải ngân lũy kế 7 tháng lập kỷ lục 5 năm với ngành chế biến, chế tạo tiếp tục chi phối.

Sau mức bùng nổ đột biến trong tháng 6 (9,8 tỷ USD, +214,4% YoY – chủ yếu đến từ một số dự án quy mô lớn), dòng vốn FDI đăng ký trong tháng 7 điều chỉnh về 3,4 tỷ USD, dù vẫn duy trì tăng trưởng dương 32,7% so với cùng kỳ. Song song đó, dòng vốn giải ngân đạt 2,2 tỷ USD, tăng 15,4% YoY, tiếp tục là nguồn vốn dài hạn quan trọng nâng đỡ tổng cầu.

Tính chung lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, dòng vốn ngoại tiếp tục bùng nổ cả về quy mô đăng ký lẫn tốc độ giải ngân thực tế. Tổng vốn FDI đăng ký (bao gồm cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần) đạt 38,06 tỷ USD, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt 21,05 tỷ USD tại 2.429 dự án, cao gấp 2,1 lần cùng kỳ dù số lượng dự án chỉ tăng 7,8% – cho thấy quy mô trung bình mỗi dự án tăng đáng kể. Đáng chú ý, vốn FDI giải ngân lũy kế 7 tháng ước đạt 15,2 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ, là mức giải ngân cao nhất trong cùng kỳ 7 tháng của 5 năm gần đây, phản ánh sự chuyển hoá hiệu quả từ vốn đăng ký sang dòng vốn thực, dưới sự thúc đẩy quyết liệt từ các địa phương trong bàn giao mặt bằng sạch và hoàn thiện hạ tầng kết nối tại các khu công nghiệp trọng điểm.

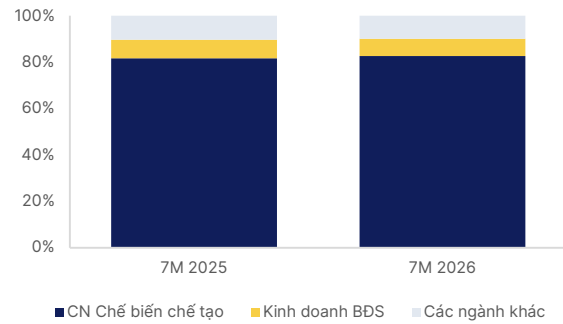
Xét theo cơ cấu ngành nghề, dòng vốn tiếp tục tập trung sâu vào khu vực sản xuất cốt lõi. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì vị thế dẫn đầu khi chiếm tỷ trọng 82,6% trong tổng vốn FDI đăng ký lũy kế 7 tháng (tăng 1,0 điểm phần trăm so với mức 81,6% cùng kỳ năm 2025), đồng thời hơn 82,6% dòng vốn giải ngân (tương đương 12,55 tỷ USD) cũng được rót trực tiếp vào các nhà máy, xí nghiệp thuộc ngành này. Diễn biến này tiếp tục là câu trả lời cho đà mở rộng liên tục 13 tháng của chỉ số PMI, cũng như mức bứt phá 15,0% của ngành chế tạo trong cấu trúc IIP tháng 7. Ở chiều ngược lại, mảng kinh doanh bất động sản giảm nhẹ tỷ trọng xuống 7,5% (từ 8,0% cùng kỳ), tiếp tục thể hiện xu hướng sàng lọc của dòng vốn ngoại khi ưu tiên các dự án sản xuất, tạo giá trị gia tăng thực tế hơn là hoạt động đầu cơ tài sản.

Tăng trưởng dòng vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng từ tháng 01/2024 – Nay [%YoY]



Nguồn: GSO, TMR

Tỷ trọng các nhóm ngành trong tổng vốn FDI đăng ký 7M 2025 vs. 7M 2026 [%]



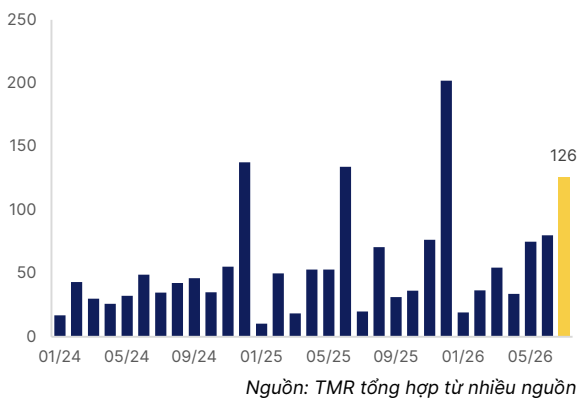
Nguồn: GSO, TMR

Giá trị giải ngân đầu tư công tháng 07/2026 đạt đỉnh năm với 126 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ giải ngân lũy kế 7 tháng đạt 41,93% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

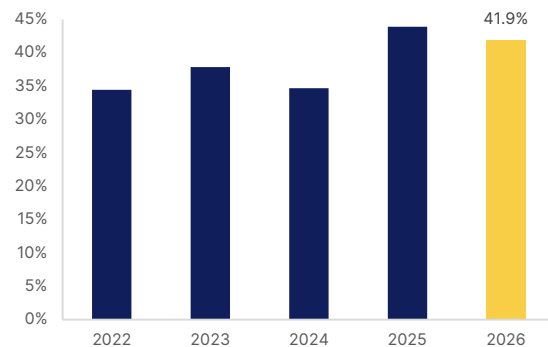
Hoạt động giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục bứt tốc mạnh trong tháng 07/2026 khi dòng vốn thực hiện đạt 126 nghìn tỷ đồng – mức cao nhất trong các tháng của năm 2026 tính đến hiện tại, và tăng vọt so với mức nền thấp 20 nghìn tỷ đồng của tháng 07/2025. Đà tăng này tiếp nối cải thiện từ tháng 06 (80 nghìn tỷ đồng), cho thấy các nút thắt về thủ tục và giải phóng mặt bằng tiếp tục được tháo gỡ quyết liệt trong Q3/2026 nhằm đẩy nhanh tiến độ trước áp lực hoàn thành kế hoạch cả năm.

Tính chung lũy kế 7 tháng đầu năm, tổng giá trị giải ngân đạt 425.312 tỷ đồng, đạt 41,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó vốn ngân sách trung ương đạt 32,3% và vốn ngân sách địa phương đạt 47,3%. Dù tỷ lệ này thấp hơn nhẹ so với mức nền cùng kỳ năm 2025 (43,90%), nhưng vẫn vượt trội so với giai đoạn 2022–2024 (dao động 34,5–37,9%), cho thấy tiến độ giải ngân năm nay tiếp tục duy trì ở mặt bằng cao trong nhiều năm – dù quy mô tổng kế hoạch vốn năm nay cũng lớn hơn đáng kể. Với hơn một nửa kế hoạch vốn năm 2026 vẫn còn phải giải ngân trong 5 tháng cuối năm, áp lực tăng tốc trong giai đoạn cao điểm cuối năm vẫn còn rất lớn. Việc dòng vốn mỗi tiếp tục được bơm mạnh vào nền kinh tế sẽ trực tiếp tạo hiệu ứng lan tỏa, kích thích dòng vốn tư nhân và hỗ trợ tiêu thụ cho các ngành công nghiệp phụ trợ như thép, vật liệu xây dựng và logistics trong các tháng tới.

Giải ngân đầu tư công [Nghìn tỷ VND]



Tỷ lệ giải ngân đầu tư công so với kế hoạch đầu năm [%]



3. LẠM PHÁT

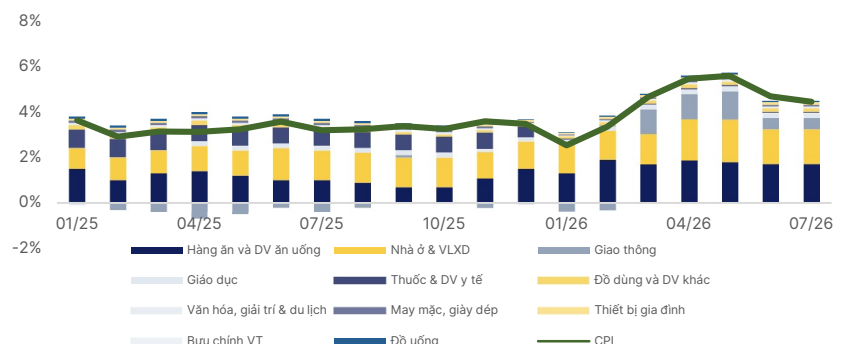
Giao thông hạ nhiệt mạnh kéo CPI rời đỉnh, Hàng ăn vươn lên dẫn dắt cấu trúc lạm phát thay cho Nhà ở và Vật liệu xây dựng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 07/2026 tăng 4,4% YoY, tiếp tục hạ nhiệt sau khi lập đỉnh 5,6% vào tháng 05, song đã giảm đã chứng lại rõ rệt so với tháng trước; cấu trúc lạm phát hiện do ba nhóm Hàng ăn, Nhà ở & Vật liệu xây dựng và Giao thông chi phối.

Bức tranh lạm phát tháng 07/2026 cho thấy xu hướng hạ nhiệt tiếp diễn sau khi CPI lập đỉnh vào tháng 5, dù tốc độ giảm đã chậm lại đáng kể. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, giảm nhẹ so với mức 4,7% của tháng 6 và cách xa đỉnh 5,6% ghi nhận hồi tháng 5 - đánh dấu tháng thứ hai liên tiếp lạm phát giảm tốc sau giai đoạn tăng nhanh của Q1/2026 và đầu Q2/2026, dù vẫn cao hơn đáng kể vùng dao động 3,0% - 3,5% của năm 2025. Đáng chú ý, mức giảm từ tháng 6 sang tháng 7 chỉ đạt 0,3 điểm phần trăm, thu hẹp nhiều so với mức giảm 0,9 điểm phần trăm ghi nhận giữa tháng 5 và tháng 6, cho thấy đà hạ nhiệt đang có dấu hiệu chứng lại. CPI bình quân lũy kế 7 tháng đạt 4,4%, giữ nguyên so với bình quân tháng 6, phản ánh mặt bằng giá cả bình quân cả năm đang ổn định quanh ngưỡng này sau giai đoạn tăng nhanh của Q1/2026.

Xét về cơ cấu đóng góp, lạm phát tháng 07/2026 tiếp tục được dẫn dắt bởi ba nhóm trụ cột quen thuộc - Hàng ăn và Dịch vụ ăn uống (1,7 đpt), Nhà ở và Vật liệu xây dựng (1,5 đpt) và Giao thông (0,5 đpt) - với tổng mức đóng góp 3,7 điểm phần trăm, tương đương khoảng 84% mức tăng chung 4,4% của CPI. So với đỉnh tháng 5, mức đóng góp của cả ba nhóm này đều đã thu hẹp, cho thấy đà hạ nhiệt lan tỏa trên diện rộng chứ không tập trung ở một số hàng hóa đơn lẻ. Đáng chú ý, vị trí dẫn đầu trong cấu trúc lạm phát đã hoán đổi: Hàng ăn và Dịch vụ ăn uống vươn lên trở thành nhóm gây áp lực lớn nhất, thay cho vị trí trước đó của Nhà ở và Vật liệu xây dựng. Nhóm Nhà ở và VLXD, dù vẫn neo ở mức đóng góp cao, đã hạ nhiệt rõ rệt từ đỉnh 1,9 điểm phần trăm hồi tháng 5 xuống còn 1,5 điểm phần trăm và duy trì ổn định ở mức này trong cả tháng 6 và tháng 7. Diễn biến này cho thấy áp lực giá vật liệu xây dựng từ hoạt động giải ngân đầu tư công và triển khai các dự án FDI tuy vẫn hiện hữu nhưng cường độ đã bớt căng thẳng hơn so với giai đoạn cao điểm Q2/2026.

CPI tổng thể và đóng góp của các nhóm từ T1 2025 - Nay [% YoY]



Nguồn: GSO, TMR

Đà phục hồi của giá xăng dầu cuối tháng 7 là tín hiệu cần theo dõi sát, trong bối cảnh dư địa nói lỏng tiền tệ vẫn còn hạn chế.

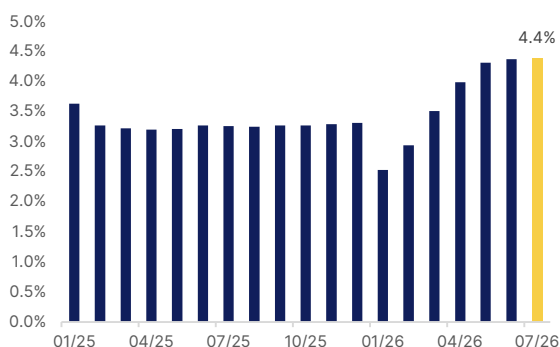
Nhân tố đóng góp lớn nhất vào đà hạ nhiệt chung của CPI tiếp tục là nhóm Giao thông. Sau khi đạt đỉnh đóng góp 1,2 điểm phần trăm vào tháng 5, mức đóng góp của nhóm này đã giảm hơn một nửa, ổn định quanh 0,5 điểm phần trăm trong cả tháng 6 và tháng 7. Diễn biến này bám sát xu hướng giá xăng dầu trong nước: sau khi lập đỉnh trên 25.000 VNĐ/lít vào cuối tháng 5, giá

xăng E10 RON95-III giảm liên tục qua tháng 6 và chạm đáy 19.910 VNĐ/lít vào phiên điều hành cuối tháng (29-30/06) - mức thấp nhất kể từ đầu năm. Bước sang tháng 7, giá xăng dao động trong biên độ hẹp hơn, giảm về đáy 20.000 VNĐ/lít vào giữa tháng (các phiên 09-15/07) trước khi bật tăng trở lại lên đỉnh 22.850 VNĐ/lít vào cuối tháng (phiên điều hành 30/07). So với cùng kỳ tháng 07/2025 (dao động 19.600 - 21.110 VNĐ/lít), chênh lệch giá xăng hiện chỉ còn khoảng 400 - 1.740 VNĐ/lít (tương đương 2-8%), thu hẹp đáng kể so với mức chênh 4.000 - 5.400 VNĐ/lít (tương đương 21-28%) ghi nhận hồi tháng 5 - lý giải phần lớn cho việc đóng góp của nhóm Giao thông vào CPI giảm mạnh trong hai tháng qua. Tuy nhiên, đà phục hồi giá xăng trong nửa cuối tháng 7 - tăng gần 2.850 VNĐ/lít chỉ trong khoảng hai tuần - là tín hiệu cần theo dõi sát, bởi nếu xu hướng này tiếp diễn, hiệu ứng nền thấp sẽ dần thu hẹp và có thể làm chậm thêm đà giảm tốc của CPI trong các tháng tới.

Trong khi đó, nhóm Hàng ăn và Dịch vụ ăn uống duy trì mức đóng góp tương đối ổn định quanh 1,7-1,8 điểm phần trăm suốt từ tháng 4 đến nay, cho thấy áp lực chi phí đẩy từ giá logistics và thực phẩm - hình thành từ đợt biến động năng lượng cuối Q1/2026 - vẫn chưa hoàn toàn phản ánh hết vào giá bán lẻ. Chính sự ổn định này, trái ngược với đà giảm rõ rệt của Giao thông và Nhà ở & VLXD, đã đưa Hàng ăn trở thành nhóm đóng góp lớn nhất vào CPI tháng 7 - một sự dịch chuyển đáng chú ý so với cấu trúc lạm phát hồi tháng 5.

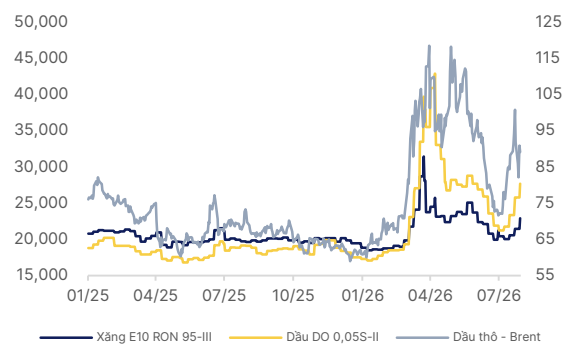
Nhìn chung, việc CPI hạ nhiệt về 4,4% trong tháng 07/2026 - so với đỉnh 5,6% của tháng 5 - phần nào mở thêm dư địa điều hành cho Ngân hàng Nhà nước so với giai đoạn căng thẳng của Q2/2026. Tuy nhiên, đà giảm tốc đã chứng lại rõ rệt giữa tháng 6 và tháng 7, trong khi CPI bình quân lũy kế vẫn giữ nguyên ở 4,4% và tín hiệu giá xăng dầu bắt đầu nhích trở lại vào cuối tháng 7 đặt ra rủi ro thu hẹp hiệu ứng nền thấp trong các tháng tới. Do đó, cân bằng chính sách tiền tệ trong giai đoạn tới nhiều khả năng vẫn sẽ được điều hành thận trọng, thay vì chuyển hướng nói lỏng rõ rệt, cho đến khi xu hướng giảm tốc của lạm phát được củng cố chắc chắn hơn qua các tháng tiếp theo.

CPI bình quân lũy kế từ T1 2025 - Nay [% YoY]



Nguồn: GSO, TMR

Giá xăng Ron95-III vùng 2 trong nước từ tháng 01/2025 - Nay [VNĐ]



Nguồn: Petrolimex, TMR

4. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

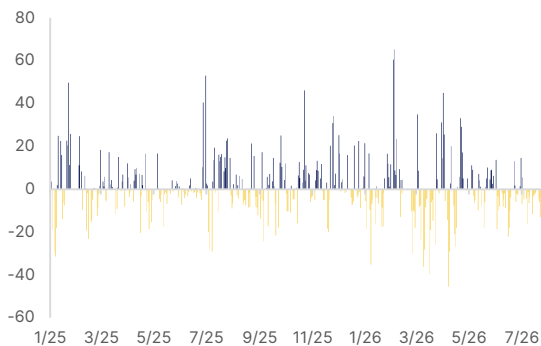
Thanh khoản qua đêm cải thiện nhờ NHNN hút ròng mạnh, song hệ thống vẫn áp lực do tín dụng tăng vượt xa huy động (9,0% so với 5,8%). Lãi suất huy động đi ngang nhờ lạm phát hạ nhiệt, trong khi tỷ giá tự do bất ngờ giảm mạnh xuống dưới tỷ giá niêm yết ngân hàng.

Thanh khoản liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm cải thiện nhờ NHNN hút ròng mạnh, song thanh khoản hệ thống vẫn chịu áp lực khi tăng trưởng tín dụng tiếp tục vượt xa huy động vốn.

Thị trường mở (OMO) tháng 07/2026 cải thiện rõ rệt so với giai đoạn căng thẳng Q1/2026 – đầu Q2/2026. Quy mô số dư kênh cầm cố giảm từ 245,4 nghìn tỷ đồng (cuối tháng 06) xuống đáy 144,1 nghìn tỷ đồng (28/07) — thấp hơn nhiều so với đỉnh trên 480 nghìn tỷ đồng hồi tháng 02–03/2026 — trước khi NHNN bơm ròng trở lại cuối tháng, đưa số dư lên 172,6 nghìn tỷ đồng phục vụ nhu cầu quyết toán cuối kỳ; tính chung cả tháng, NHNN hút ròng khoảng 73 nghìn tỷ đồng qua kênh này. Song hành, lãi suất qua đêm (ON) giảm sâu từ vùng 5–6%/năm đầu tháng xuống đáy 0,75%/năm (30/07) trước khi bật lên 5,72%/năm phiên cuối tháng — diễn biến kỹ thuật thường gặp cuối kỳ — cho thấy thanh khoản kỳ hạn ngắn nhất đã dồi dào trở lại sau giai đoạn thiếu hụt từ tháng 3 đến tháng 5.

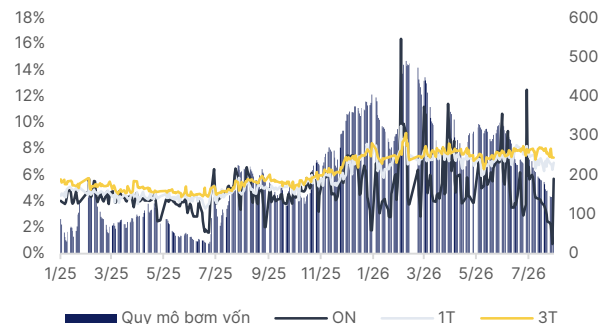
Tuy nhiên, trái với đà giảm của lãi suất qua đêm, mặt bằng lãi suất các kỳ hạn dài hơn về cơ bản vẫn neo ở vùng cao và gần như không hạ nhiệt trong suốt tháng. Lãi suất kỳ hạn 1 tháng dao động trong biên độ 6,3% – 7,9%/năm, trong khi lãi suất kỳ hạn 3 tháng thậm chí áp sát vùng đỉnh của cả giai đoạn kể từ đầu năm 2025, dao động quanh 7,2% – 8,1%/năm. Sự phân kỳ rõ nét giữa kỳ hạn ngắn nhất và các kỳ hạn dài hơn cho thấy dù thanh khoản tức thời của hệ thống đã cải thiện, chi phí vốn trung hạn giữa các ngân hàng thương mại vẫn duy trì thận trọng, phần nào phản ánh nhu cầu tái cơ cấu nguồn vốn và tâm lý phòng thủ thanh khoản của khối ngân hàng chưa hoàn toàn hạ nhiệt.

Khối lượng bơm (hút) tiền ròng hàng ngày từ tháng 01/2025 - Nay [Nghìn tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TMR

Quy mô bơm vốn và Lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn từ tháng 01/2025 - Nay [%/năm]

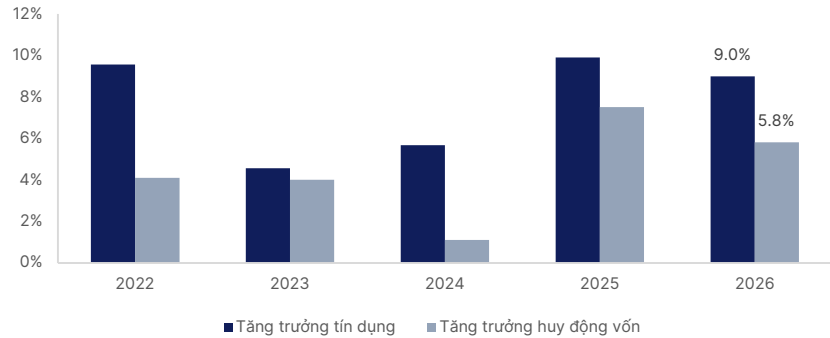


Nguồn: Fiinpro-X, TMR

Đà giảm của lãi suất qua đêm chỉ phản ánh thanh khoản tức thời trên thị trường 2, không đồng nghĩa thanh khoản toàn hệ thống đã hết áp lực. Điểm nghẽn cơ cấu thực sự nằm ở khoảng cách tín dụng – huy động trên thị trường 1: tính đến 31/07/2026, tín dụng tăng 9,0% trong khi huy động chỉ tăng 5,8% (chênh 3,18 điểm %) — năm thứ năm liên tiếp (2022–2026) tín dụng vượt huy động tại cùng mốc 31/07, với mức chênh dao động 0,6 – 5,5 đpt qua các năm, buộc ngân hàng phải duy trì lãi suất huy động cao và tăng vay mượn qua các kênh bổ sung để bù đắp thiếu hụt vốn. Đây cũng là trọng tâm buổi làm việc ngày 12/08/2026 giữa Thủ tướng Lê Minh Hưng với NHNN và toàn hệ thống tổ chức tín dụng, nơi các ngân hàng được yêu cầu nêu rõ khó khăn và đề xuất giải pháp tháo gỡ; sự kiện diễn ra ngay sau khi Quyết định 1743/QĐ-NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi Kho bạc Nhà nước lên 50% khi tính LDR giúp làn sóng tăng lãi suất huy động chứng lại từ cuối tháng 07, ước bổ sung khoảng 166 nghìn tỷ đồng nguồn huy động hợp lệ và 141 nghìn tỷ đồng dư địa cho vay (~0,7%

đư nợ toàn hệ thống) - dù vậy, dự báo được trích dẫn tại sự kiện cho rằng mặt bằng lãi suất nhiều khả năng vẫn neo quanh vùng hiện tại đến cuối năm.

Tăng trưởng tín dụng và huy động vốn toàn hệ thống tính đến 31/07 hàng năm, giai đoạn 2022–2026 [%YTD]



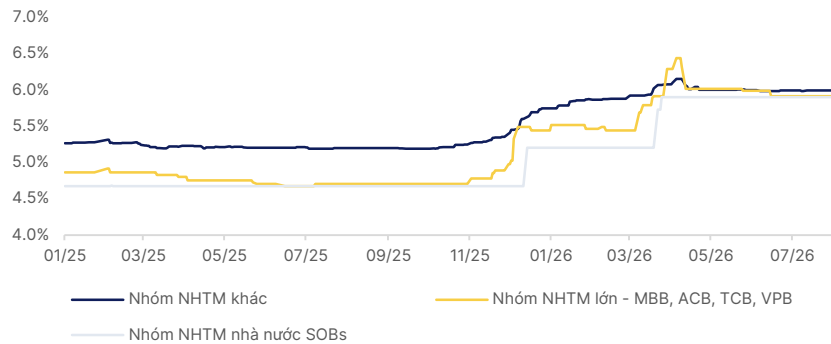
Nguồn: TMR tổng hợp từ nhiều nguồn

Mặt bằng lãi suất huy động thị trường 1 tiếp tục đi ngang khi áp lực lạm phát cho thấy dấu hiệu hạ nhiệt rõ hơn.

Trái ngược với sự biến động mạnh trên thị trường liên ngân hàng, mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường 1 tiếp tục đi ngang trong suốt tháng 07/2026, không có thêm điều chỉnh đáng kể so với tháng 06. Cụ thể, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của nhóm Ngân hàng TMCP Nhà nước (SOBs) duy trì ổn định ở mức 5,9%/năm xuyên suốt tháng, không đổi so với mặt bằng chung các tháng gần nhất. Nhóm các NHTM cổ phần lớn (MBB, ACB, TCB, VPB) cũng giữ nguyên ở mức 5,9%/năm - thấp hơn 0,1 điểm % so với mức 6,0%/năm ghi nhận hồi tháng 05, sau khi đã điều chỉnh giảm từ giữa tháng 06 và duy trì ổn định kể từ đó. Riêng nhóm NHTM cổ phần khác vẫn neo ở mức cao nhất hệ thống, đi ngang tại 6,0%/năm trong suốt tháng.

Diễn biến đi ngang này diễn ra trong bối cảnh áp lực lạm phát đã dịu bớt so với giai đoạn trước. Tốc độ tăng CPI so với cùng kỳ đã giảm dần qua từng tháng kể từ khi đạt đỉnh vào tháng 05 (5,6%), xuống 4,7% trong tháng 06 và tiếp tục lùi về 4,4% trong tháng 07 - khác với năm 2025, đà tăng CPI năm nay đạt đỉnh vào tháng 5 rồi hạ dần trong các tháng sau đó. Đáng chú ý, so với tháng trước, CPI tháng 07 còn giảm nhẹ, chủ yếu do đà giảm của giá nhiên liệu trên thị trường thế giới kéo giá xăng dầu trong nước đi xuống, cùng nguồn cung hàng lương thực – thực phẩm được cải thiện. Áp lực lạm phát dịu bớt phần nào giúp giảm sức ép buộc các ngân hàng thương mại phải tiếp tục nâng lãi suất huy động để đảm bảo lợi suất cho người gửi tiền, qua đó lý giải cho trạng thái đi ngang - thậm chí giảm nhẹ ở một số nhóm - của mặt bằng lãi suất tiền gửi trong tháng. Dù vậy, mặt bằng lãi suất huy động nhìn chung vẫn neo ở vùng cao so với đầu năm, cho thấy các ngân hàng thương mại vẫn cần duy trì sức hấp dẫn của kênh tiền gửi để cân đối nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng.

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của nhóm các ngân hàng thương mại [%/năm]



Nguồn: Fiinpro-X, TMR

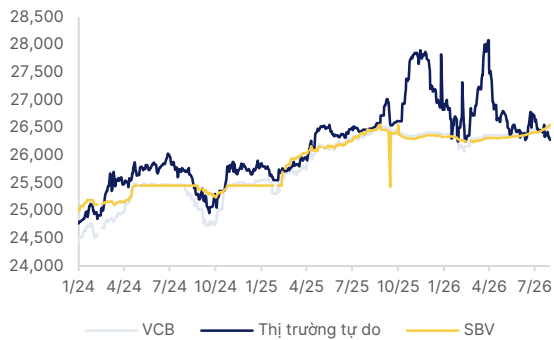
Tỷ giá tự do lao dốc và lần đầu rơi xuống dưới tỷ giá niêm yết ngân hàng một cách ổn định, đảo ngược hoàn toàn trạng thái chênh lệch dương trước đó.

Trên thị trường ngoại hối, bức tranh tỷ giá tháng 07/2026 ghi nhận một sự đảo chiều đáng chú ý so với xu hướng hội tụ ở vùng chênh lệch dương ghi nhận các kỳ trước. Trong khi tỷ giá bán ra tại Vietcombank chỉ nhích nhẹ, đi ngang quanh vùng 26.450 – 26.525 VND/USD (tăng khoảng 24 đồng so với đầu tháng), tỷ giá trên thị trường tự do lại biến động mạnh và có xu hướng giảm rõ rệt, từ vùng 26.610 – 26.650 VND/USD đầu tháng xuống chỉ còn 26.280 VND/USD vào phiên cuối tháng (31/07). Đáng chú ý, kể từ giữa tháng 07 (ngoại trừ một phiên đảo chiều ngày 20/07), tỷ giá tự do đã liên tục giao dịch thấp hơn tỷ giá niêm yết tại VCB, với khoảng cách âm liên tục nói rộng và đạt 210 đồng vào cuối tháng — đảo ngược hoàn toàn so với trạng thái chênh lệch dương từng lên tới hơn 300 đồng ghi nhận trong tháng 06. Tỷ giá trung tâm (SBV) trong khi đó vẫn duy trì xu hướng tăng đều đặn, từ 26.412 VND/USD lên 26.554 VND/USD trong tháng.

Động lực chính khiến tỷ giá tự do giảm sâu tiếp tục đến từ việc tâm lý đầu cơ USD trên thị trường phi chính thức hạ nhiệt, cùng diễn biến ổn định hơn của thị trường vàng khiến nhu cầu găm giữ USD ngoài hệ thống ngân hàng giảm bớt. Bên cạnh đó, diễn biến này còn hỗ trợ thêm bởi các biện pháp siết chặt kiểm soát dòng tiền qua kênh tiền điện tử, cùng mức chênh lệch giá vàng trong và ngoài nước được thu hẹp đáng kể, qua đó làm giảm nhu cầu giao dịch tại kênh tự do.

Trên thị trường quốc tế, chỉ số sức mạnh đồng đô la (DXY) duy trì ở vùng cao 100,5 – 101,5 điểm trong phần lớn tháng, thậm chí chạm đỉnh 101,5 điểm vào ngày 27/07, trước khi lao dốc nhanh trong hai phiên cuối tháng xuống còn 99,8 điểm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ cuộc họp FOMC ngày 29/07, khi Fed bỏ phiếu 9-3 giữ nguyên lãi suất điều hành ở biên độ 3,5% – 3,75%; đây là mức lãi suất thấp nhất kể từ cuối năm 2022 và là lần thứ năm liên tiếp Fed chọn giữ nguyên chính sách, dù có 3 thành viên bỏ phiếu phản đối vì muốn tăng thêm 0,25 điểm % trước lo ngại rủi ro lạm phát liên quan đến căng thẳng địa chính trị. Ngay sau quyết định này, giới đầu tư đã chính thức loại bỏ kỳ vọng về khả năng Fed tăng lãi suất bất ngờ trong thời gian tới, khiến sức hấp dẫn của đồng USD suy giảm nhanh. Với nguồn cung ngoại tệ trong nước tương đối thuận lợi và đồng USD suy yếu trên thị trường quốc tế, áp lực lên tỷ giá USD/VND trong ngắn hạn được kỳ vọng sẽ tiếp tục ở mức kiểm soát được.

Tỷ giá bán USD/VND tại VCB, TT tự do, và SBV từ tháng 01/2024 – Nay [VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TMR

Chỉ số DXY từ tháng 01/2024 – Nay [điểm]



Nguồn: Simplize, TMR

Thông tin liên hệ

Khối Nghiên cứu và Phân tích

Nguyễn Anh Duy

Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
duyna@tmr.vn

Lại Thế Ngọc

Phó Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
ngoclt@tmr.vn

Nguyễn Duy Tùng

Phó Trưởng phòng
Khối Định chế Tài chính
tungnd@tmr.vn

Trần Thu Hà

Chuyên viên cao cấp
Khối Định chế Tài chính
hatt@tmr.vn

Nguyễn Chí Dũng

Chuyên viên
Khối Định chế Tài chính
dungnc@tmr.vn

Vũ Trọng Hiếu

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
hieuvt@tmr.vn

Phạm Hương Giang

Phó Trưởng phòng
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
giangph@tmr.vn

Vũ Thị Tuyết Mai

Chuyên viên cao cấp
Khối Doanh nghiệp Phi tài chính
maivtt@tmr.vn

Xếp hạng tín nhiệm (“XHTN”) của Thiên Minh Rating là những ý kiến về rủi ro tín dụng tương đối trong tương lai của một tổ chức phát hành hoặc một tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm. XHTN sẽ đánh giá các rủi ro cơ bản theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2014 của chính phủ Việt Nam) về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm tùy từng thời điểm, xếp hạng tín nhiệm không giải quyết bất kỳ rủi ro nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở rủi ro thanh khoản, rủi ro giá trị thị trường hoặc biến động giá cả.

Kết quả XHTN mang tính dự báo và dựa trên các giả định về diễn biến trong tương lai, do đó không thể được xác minh hoàn toàn tại thời điểm công bố. Ngay cả khi dữ liệu hiện tại đã được xác minh, kết quả xếp hạng vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi các sự kiện hoặc yếu tố không lường trước.

Báo cáo XHTN, các đánh giá, ý kiến và tài liệu phát hành của Thiên Minh Rating không phải là tư vấn đầu tư tài chính và không bao hàm, ám chỉ hay hướng dẫn bất kỳ ai trong việc mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu, vốn góp hay công cụ nợ nào. Xếp hạng tín nhiệm cũng không đánh giá tính hợp lý của giá thị trường, sự phù hợp của công cụ nợ với nhà đầu tư cụ thể, hay các vấn đề liên quan khác. Thiên Minh Rating không tham gia vào hoạt động tư vấn phát hành, quản lý rủi ro, bảo lãnh phát hành hay phân phối với tổ chức được xếp hạng tín nhiệm hay tổ chức có công cụ nợ được xếp hạng tín nhiệm.

Khi đưa ra báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác, TMR dựa trên dữ liệu thực tế nhận được từ khách hàng, các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin hợp pháp khác. TMR có thể tiến hành nhưng không bắt buộc quy trình đánh giá và xác minh thông tin được cung cấp. Tuy nhiên, mức độ đánh giá và xác minh của TMR thay đổi tùy theo bản chất của tổ chức phát hành hay công cụ nợ được xếp hạng, yêu cầu phân tích, đánh giá, thẩm định đầu tư, yêu cầu pháp lý, tính minh bạch của thông tin công khai, khả năng tiếp cận ban lãnh đạo và các xác minh từ bên thứ ba như báo cáo kiểm toán, báo cáo thẩm định, báo cáo kỹ thuật, ý kiến pháp lý và các tài liệu liên quan khác. TMR không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ tuyệt đối của tất cả thông tin sử dụng trong quá trình xếp hạng hoặc lập báo cáo. Trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin thuộc về tổ chức phát hành trong các tài liệu công bố.

TMR không cam kết rằng báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của người đọc. Xếp hạng của TMR là ý kiến về mức độ tín nhiệm của một tổ chức phát hành hoặc công cụ nợ. Ý kiến này và các báo cáo khác của TMR dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá được thiết lập và TMR liên tục đánh giá, cập nhật phương pháp đó. Do đó, báo cáo xếp hạng tín nhiệm và các báo cáo khác là sản phẩm của TMR mà không có một cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào chịu trách nhiệm duy nhất về một báo cáo cụ thể này. Tất cả các báo cáo của TMR đều có sự đóng góp của nhiều tác giả. Một báo cáo xếp hạng tín nhiệm của TMR không phải là bản cáo bạch và không thay thế thông tin mà tổ chức phát hành cung cấp cho nhà đầu tư khi bán công cụ nợ.

Văn bản này, bao gồm tất cả nội dung, phân tích và tài liệu được trình bày ở đây, là tài sản độc quyền của Thiên Minh Rating và được bảo vệ bởi luật bản quyền hiện hành. Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong và đối với báo cáo và nội dung của nó, bao gồm nhưng không giới hạn ở văn bản, đồ họa, dữ liệu và các tài sản trí tuệ khác, đều thuộc sở hữu hoặc cấp phép của Thiên Minh Rating. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép, phân phối hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm sao chụp, ghi âm hoặc lưu trữ điện tử, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Thiên Minh Rating. Việc sử dụng, sao chép hoặc phân phối trái phép báo cáo này hoặc bất kỳ nội dung nào của báo cáo này đều bị cấm và có thể vi phạm luật bản quyền, nhãn hiệu hoặc luật sở hữu trí tuệ khác. Bất kỳ việc sử dụng hoặc sửa đổi trái phép nội dung của báo cáo đều có thể dẫn đến hành động pháp lý. Tất cả các nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ và logo được sử dụng trong báo cáo này là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.